| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày: 22/4/2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Rẻn

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến.

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐST - DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: số 40- 42- 44 Phạm Hồng Thái, Phường A, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Duy B – Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bến Tre.

Địa chỉ: số 517 Đại lộ B, phường C, thành phố D, tỉnh Bến Tre.

Ông Võ Duy B ủy quyền cho

1/-Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 - Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện E (Vắng mặt).

Ông Lê Minh M, sinh năm 1988 - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện E (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố F, thị trấn G, huyện E, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: 1/ Bà Đào Thị M1, sinh năm 1952(Có mặt)

2/ Ông Phạm Văn M2, sinh năm 1952 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã I, huyện E, tỉnh Bến Tre.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2018, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Minh M – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03/5/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần K (Ngân hàng TMCP K) - Phòng giao dịch E có cho bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 vay số tiền 30.000.000 đồng tại Hợp đồng số TD7252/HĐTD ngày 03/5/2012 với những nội dung cụ thể: Số tiền vay: 30.000.000 đồng; Mục đích vay: Chăn nuôi bò; Giải ngân ngày: 05/5/2012; Thời hạn vay: 12 tháng; Ngày đến hạn: 05/5/2013; Lãi suất trong hạn: 1,8% /tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước trời điểm phát sinh nợ quá hạn; đôi bên còn thỏa thuận về tiền phạt do chậm trả lãi. Hình thức thanh toán: Lãi tiền vay trả hàng tháng, vốn gốc trả cuối kỳ;

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của bị đơn phía bà M1, ông M2 có ký kết hợp đồng thế chấp số TD 7252/HĐTC ngày 03/5/2012 xác định: Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BB 106755 do UBND huyện E, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Đào Thị M1 vào ngày 14/2/2010 với các đặc điểm cụ thể như sau: diện tích 117m$^2$, đất thuộc thửa số 773, tờ bản số 08, loại đất CLN, tọa lạc tại xã I, huyện E, tỉnh Bến Tre. Hợp đồng thế chấp số TD 7252/HĐTC ngày 03/5/2012 được chứng thực ngày 04/5/2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã I và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/5/2012 tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện E, tỉnh Bến Tre.

Sau khi vay tiền vợ chồng bà M1, ông M2 thanh toán cho ngân hàng được số tiền lãi đến ngày 04/4/2013 (thanh toán được 11 tháng tiền lãi trong hạn) rồi ngưng không thanh toán thêm cho ngân hàng số tiền nào nữa. Ngân hàng đã thông báo cho bà M1, ông M2 nhiều lần nhưng bà M1, ông M2 hứa hẹn lần lượt rồi không thanh toán nợ cho ngân hàng. Theo thỏa thuận của hợp đồng tính từ ngày 05/4/2013 đến ngày 01 tháng 11 năm 2018, bà M1, ông M2 nợ Ngân hàng số tiền: 85.812.240 đồng. Trong đó tiền vay gốc là 30.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 540.000 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.083.240 đồng, tiền lãi quá hạn 54.189.000 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bà M1, ông M2 thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tiền vay gốc 30.000.000 đồng + tiền lãi tính từ ngày 05/4/2013 đến ngày tòa xét xử (ngày 22 tháng 4 năm 2019) là 60.549.120 đồng => tổng cộng gốc lãi là 90.549.120 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng TD7252/HĐTD ngày 03/5/2012 từ ngày 23/4/2019 đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp bà M1, ông M2 không thanh toán hoặc thanh toán không dứt nợ thì phía Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TD 7252/HĐTC ngày 03/5/2012 để thu hồi nợ, không đồng ý cho bị đơn bà M1, ông M2 thêm thời gian hoặc thanh toán dần.

** Tại bản tự khai ngày 13/2/2019, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 trình bày:*

Bà M1, ông M2 thừa nhận lời trình bày Ngân hàng TMCP K là hoàn toán đúng. Năm 2012, vợ chồng bà M1, ông M2 có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP K để vay số tiền 30.000.000 đồng tại Hợp đồng số TD 7252/HĐTD ngày 03/5/2012; Vợ chồng bà M1, ông M2 có thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho ngân hàng tại hợp đồng thế chấp số TD 7252/HĐTC ngày 03/5/2012. Tuy nhiên sau khi vay tiền, bà M1 có đóng tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng cho ngân hàng được 11 tháng rồi ngưng không đóng nữa. Nguyên nhân bà M1 và ông M2 không thực hiện tròn cam kết trả tiền nợ cho ngân hàng là vì sau khi vay tiền về mua bò nuôi được một thời gian thì bò bị bệnh chết, vợ chồng bà M1, ông M2 không thu hồi được tiền vốn. Do hoàn cảnh quá khó khăn nên vợ chồng bà M1, ông M2 xin thêm thời gian để thanh toán nợ cho ngân hàng rồi không thanh toán được nên bị ngân hàng khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì vợ chồng bà M1, ông M2 đồng ý có nợ Ngân hàng số tiền 90.549.120 đồng theo thỏa thuận hợp đồng tính dụng số TD 7252/HĐTD ngày 03/5/2012 nhưng xin khi nào có tiền thì thanh toán, nếu Ngân hàng không đồng ý thì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K khởi kiện bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 yêu cầu trả tiền vay còn nợ chưa thanh toán, các đương sự có nơi cư trú tại địa bàn huyện Ba Tri. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

**[2]** Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do giao dịch được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 chưa thực hiện xong nay mới tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nên áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

**[3]** Về nội dung vụ án:

**[3.1]** Hợp đồng tín dụng số TD 7252/HĐTD ngày 03/5/2012 và Hợp đồng thế chấp số TD 7252/HĐTC ngày 03/5/2012 được Ngân hàng TMCP K và phía bị đơn bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc; Hợp đồng thế chấp có chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo trình tự, thủ tục luật định, không trái với đạo đức xã hội nên có hiệu lực thì hành đối với các bên - Hội đồng xét xử xác định đây là chứng cứ để giải quyết vụ án.

**[3.2]** Phía bị đơn bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 hoàn toàn thừa nhận lời trình bày của Ngân hàng TMCP K, xác định sau khi vợ chồng bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 vay số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số TD 7252/HĐTD ngày 03/5/2012, chỉ thanh toán được tiền lãi trong hạn cho ngân hàng được 11 tháng. Từ đó đến nay vợ chồng bà M1, ông  Màng không thanh toán được thêm khoản tiền nào cho Ngân hàng. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 thanh toán số tiền vay gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 540.000 đồng (tính từ ngày 05/4/2013 đến ngày 05/5/2013) + tiền lãi quá hạn 58.833.000 đồng (tính từ ngày 05/5/2013 đến ngày 22/4/2019) theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số TD 7252/HĐTD ngày 03/5/2012 là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nói trên cũng như phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều  27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận;

Riêng việc Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi: 540.000 đồng x 0,1% x 2.178 ngày = 1.176.120 đồng mà đôi bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số TD 7252/HĐTD ngày 03/5/2012 là không phù hợp với Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận;

Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 23/4/2019 đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn đã quy định tại Hợp đồng tín dụng số TD 7252/HĐTD ngày 03/5/2012 cho đến khi trả hết nợ gốc - Yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết tại Điều 2, Điều 3, Điều 6 cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3.3]** Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về việc Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số TD 7252/HĐTC ngày 03/5/2012 để bảo đảm thu hồi các khoản nợ trong trường hợp bà M1, ông M2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền mà bà M1, ông M2 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận hợp đồng

thế chấp và quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3.4]** Xét yêu cầu của bà M1, ông M2 về việc cho bị đơn khi nào có tiền thì mới thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP K không được Ngân hàng TMCP K đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

**[4]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP K nộp số tiền án phí 300.000 đồng đối với phần yêu cầu không được tòa án chấp nhận; Bị đơn có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 4.468.650 đồng nhưng do bị đơn bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 thuộc hộ nghèo nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Buộc bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Phòng giao dịch Ba Tri đại diện nhận) số tiền nợ tính đến hết ngày 22/4/2019 là 89.373.000 đồng (Tám mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

**2.** Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc yêu cầu bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K phần tiền phạt chậm trả lãi 1.176.120 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm hai mươi đồng).

**3.** Bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 còn phải tiếp tục liên đới thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 23/4/2019 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K với mức lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số TD 7252/HĐTD ngày 03/5/2012 mà đôi bên đã ký kết cho đến khi thi hành xong.

**4.** Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K, thì Ngân hàng TMCP K (Phòng giao dịch E đại diện) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số TD 7252/HĐTC ngày 03/5/2012 để thu hồi nợ.

**5.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị M1, ông Phạm Văn M2 được miễn nộp

số tiền án phí 4.468.650 đồng (Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi tám ngàn, sáu trăm năm mươi đồng);

Ngân hàng Thương mại cổ phần K có nghĩa vụ nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0022210 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ Ngân hàng Thương mại cổ phần K còn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Rẻn**